

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ
ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011
đến ngày 30 tháng 6 năm 2011**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 22

52840
CÔNG TY
CỔ PHẦN
HẠ TẦNG
DẦU KHÍ
TỔ CHỨC

S.Đ.K.T

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

16 Trương Định, Phường 6, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Ngô Hồng Minh	Chủ tịch Công ty
Ông Lê Vũ Hùng	Ủy viên
Ông Lê Vũ Hoàng	Ủy viên
Ông Bùi Tiến Thành	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Bùi Minh Chính	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Giám đốc
Ông Lê Việt Hoài	Phó Giám đốc
Ông Lê Lân	Phó Giám đốc
Ông Vũ Duy Hạnh	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2011)
Ông Nguyễn Duy Thạch	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không.
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh, và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Bùi Minh Chính
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2011

Số: 59 /2012/Deloitte- AUDHCM-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí và các công ty con (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 22. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty đã thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang và Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú, các công ty con. Chúng tôi không thực hiện soát xét báo cáo tài chính của những công ty con này.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề trình bày ở đoạn bên trên, chúng tôi không thấy có vấn đề đáng lưu ý nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0488/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 29 tháng 8 năm 2011
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Kim Long Hải
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1503/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

Mẫu B 01-DN/HN

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.484.921.524.027	1.838.895.822.534
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	33.651.764.212	544.598.549.464
1. Tiền	111		6.700.764.212	16.798.549.464
2. Các khoản tương đương tiền	112		26.951.000.000	527.800.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		49.500.000.000	34.530.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		49.500.000.000	34.530.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		556.719.833.065	705.197.221.243
1. Phải thu khách hàng	131		577.464.899.678	538.134.373.499
2. Trả trước cho người bán	132		8.754.412.367	9.528.635.770
3. Các khoản phải thu khác	135	6	11.586.368.982	157.534.211.974
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(41.085.847.962)	-
IV. Hàng tồn kho	140	7	813.897.890.126	516.043.136.345
1. Hàng tồn kho	141		813.897.890.126	516.043.136.345
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		31.152.036.624	38.526.915.482
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		16.024.057.065	22.874.541.986
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.862.881.830	14.057.541.418
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		3.491.274.020	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.773.823.709	1.594.832.078
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		677.471.058.675	759.490.886.366
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.633.333.333	4.633.333.333
1. Phải thu dài hạn khác	218		4.633.333.333	4.633.333.333
II. Tài sản cố định	220		490.147.420.987	428.496.672.915
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	35.163.106.189	34.839.557.127
- Nguyên giá	222		41.884.716.461	39.436.615.813
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.721.610.272)	(4.597.058.686)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	74.154.506.528	74.027.752.303
- Nguyên giá	228		74.221.547.639	74.056.865.639
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(67.041.111)	(29.113.336)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	380.829.808.270	319.629.363.485
III. Bất động sản đầu tư	240	11	54.143.275.968	54.316.283.441
- Nguyên giá	241		54.572.551.920	54.530.921.417
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(429.275.952)	(214.637.976)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	20.212.500.000	166.149.150.203
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	139.899.150.203
2. Đầu tư dài hạn khác	258		26.250.000.000	26.250.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(6.037.500.000)	-
V. Lợi thế thương mại	260	13	2.507.454.943	3.343.273.257
VI. Tài sản dài hạn khác	270		105.827.073.444	102.552.173.217
1. Chi phí trả trước dài hạn	271		4.594.020.356	1.386.809.980
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		367.863.550	313.173.699
3. Tài sản dài hạn khác	278	14	100.865.189.538	100.852.189.538
TỔNG CỘNG TÀI SẢN			2.162.392.582.702	2.598.386.708.900

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		907.448.671.471	1.255.060.797.970
I. Nợ ngắn hạn	310		630.972.095.763	922.139.832.487
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	214.646.281.003	341.500.000.000
2. Phải trả người bán	312		86.711.738.421	156.900.924.458
3. Người mua trả tiền trước	313		5.415.135.919	4.024.779.640
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	4.795.747.202	77.474.303.000
5. Phải trả người lao động	315		2.967.218.835	3.084.028.524
6. Chi phí phải trả	316		131.989.645.848	125.444.537.923
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	17	179.425.581.078	213.640.558.942
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.020.747.457	70.700.000
II. Nợ dài hạn	330		276.476.575.708	332.920.965.483
1. Phải trả dài hạn khác	333		1.299.180.987	1.299.180.987
2. Vay và nợ dài hạn	334	18	275.177.394.721	331.621.784.496
B. NGUỒN VỐN	400		1.122.966.201.683	1.221.321.355.968
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	1.122.966.201.683	1.221.321.355.968
1. Vốn điều lệ	411		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	414		(5.697.642.797)	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		10.729.462.313	2.077.326.587
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		10.729.462.313	2.077.326.587
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		107.204.919.854	217.166.702.794
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500	20	131.977.709.548	122.004.554.962
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	540		2.162.392.582.702	2.598.386.708.900



Bùi Minh Chính
Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2011

Vũ Thị Kim Ngân
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU B 02-DN/HN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	351.034.980.062	125.326.710.706
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(8.132.281.531)	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		342.902.698.531	125.326.710.706
4. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	11	22	(260.731.572.478)	(93.175.328.309)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		82.171.126.053	32.151.382.397
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	18.923.598.921	14.655.126.794
7. Chi phí tài chính	22	24	(22.574.660.486)	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		(16.537.160.486)	-
8. Chi phí bán hàng	24		(1.766.950.131)	(411.116.148)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	25	(54.656.569.365)	(13.230.276.524)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22.096.544.992	33.165.116.519
11. Thu nhập khác	31		1.201.913.518	-
12. Chi phí khác	32		(552.238.351)	(111.619.932)
13. Lợi nhuận/(Lỗ) khác	40		649.675.167	(111.619.932)
14. Lợi nhuận trước thuế	50		22.746.220.159	33.053.496.587
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	(6.433.131.186)	(2.355.479.199)
16. Thu nhập/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	52		54.689.851	(7.242.922.247)
17. Lợi nhuận sau thuế	60		16.367.778.824	23.455.095.141
<i>Phân bổ cho:</i>				
- Cổ đông thiểu số		20	373.154.586	1.954.614
- Cổ đông của Công ty mẹ			15.994.624.238	23.453.140.527
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	160	242



Bùi Minh Chính

Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2011

Vũ Thị Kim Ngân

Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU B 03-DN/HN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	22.746.220.159	33.053.496.587
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.212.935.651	670.877.640
Các khoản dự phòng	03	(35.048.347.962)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(18.923.598.921)	(14.655.126.794)
Chi phí lãi vay	06	16.537.160.486	-
3. (Lỗ)/ lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(11.475.630.587)	19.069.247.433
Giảm các khoản phải thu	09	191.512.464.849	23.418.120.379
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(297.854.753.781)	255.285.783.193
Giảm các khoản phải trả	11	(133.689.836.835)	(24.130.822.922)
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12	3.643.274.545	(2.734.079.162)
Tiền lãi vay đã trả	13	(15.298.989.394)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(51.752.814.346)	(2.409.622.536)
Tiền thu/(chi) khác cho hoạt động kinh doanh	16	9.408.008.369	(1.527.755.128)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(305.508.277.180)	266.970.871.257
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(63.854.857.936)	(479.800.055.282)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(14.970.000.000)	-
3. Tiền chi đầu tư và góp vốn vào các công ty khác	25	139.899.150.203	103.215.000.000
4. Tiền thu hồi đầu tư ngắn hạn	26	-	50.000.000.000
5. Thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	17.677.755.780	10.812.638.686
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	78.752.048.047	(315.772.416.596)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	62.380.000.000
2. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(5.697.642.797)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	435.763.657.597	87.842.200.144
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(619.061.766.369)	-
5. Cổ tức, đã trả cho cổ đông	36	(95.194.804.550)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(284.190.556.119)	150.222.200.144
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(510.946.785.252)	101.420.654.805
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	544.598.549.464	201.794.435.381
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	33.651.764.212	303.215.090.186
Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ			

Tiền chi trả cổ tức cho các cổ đông trong kỳ không bao gồm số tiền 4.805.195.450 đồng là số cổ tức đã công bố nhưng chưa chi trả cho các cổ đông tại ngày 30 tháng 6 năm 2011. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng được điều chỉnh trong phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Bùi Minh Chính
Giám đốc
Ngày 29 tháng 8 năm 2011

Vũ Thị Kim Ngân
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty bao gồm Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tầng và Đô thị Dầu khí (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và bốn công ty con, cụ thể như sau:

Công ty mẹ

Công ty mẹ được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008269 cấp ngày 29 tháng 10 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Công ty được thành lập trên cơ sở chuyển đổi Ban Quản lý các dự án công trình xây dựng phía Nam thành Công ty cổ phần theo Nghị quyết số 2892/NQ-DK ngày 24 tháng 5 năm 2007 và Nghị quyết số 3133/NQ-DKVN ngày 31 tháng 8 năm 2007 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PTL.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 141 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 121 người).

Trụ sở chính của Công ty mẹ đặt tại số 16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Các công ty con

Công ty có các công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang, và Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Ninh.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309612230 cấp ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú tại số 16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty đã góp 157.325.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 157.325.000.000 đồng) trong tổng số vốn điều lệ 175.000.000.000 đồng của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú, tương đương với 89,9% quyền sở hữu và quyền kiểm soát của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310275607 cấp ngày 25 tháng 8 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh. Trụ sở đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long tại số 16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty đăng ký góp 399.500.000.000 đồng trong tổng số vốn điều lệ 500.000.000.000 đồng của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long, tương đương với 79,9% quyền sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty đã góp 348.500.000.000 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 1.000.000.000 đồng) trong tổng số vốn điều lệ đăng ký tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sông Hồng) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 4200734936 cấp ngày 2 tháng 2 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang tại số 4, Đường An Dương Vương, Phường Phước Tân, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam. Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang là 300.000.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ vốn góp của Công ty là 196.150.000.000 đồng tương đương với 65,38% quyền sở hữu và quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty đã góp 200.387.520.000 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 200.387.520.000 đồng).

Handwritten signature

08
NG
M
1202
CHÍNH
CÓN
CHNH
DEL
VIỆT
(TP. H
7 TH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MẪU B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Ninh với tổng vốn điều lệ 80 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900949861 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 27 tháng 12 năm 2010. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, tỉ lệ vốn điều lệ góp của Công ty chiếm 50,1% tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Ninh. Trụ sở đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Ninh tại số 50 - đường Hoàng Lê Kha, phường 3, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 Công ty đã góp 24.048.000.000 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 0 đồng) tương ứng với tỷ lệ 50,10% trong tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Ninh.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty mẹ và các công ty con như sau:

- Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu dân cư, khu đô thị mới, văn phòng, cảng biển và cảng sông;
- Cho thuê kho bãi và nhà xưởng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng, tư vấn quản lý các dự án đầu tư, tư vấn giám sát;
- Kinh doanh bất động sản;
- Mua bán vật tư thiết bị ngành xây dựng;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh khách sạn;
- Sản giao dịch bất động sản.
- Dịch vụ quản lý và khai thác bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 đến 30 tháng 6 hàng năm.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty mẹ kiểm soát. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty được đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng thống nhất tại Công ty mẹ và công ty con. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ của cổ đông thiểu số phải gánh chịu vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được ghi giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi các cổ đông này có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 3 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho bao gồm chi phí xây dựng dở dang liên quan đến các dự án, các chi phí phát sinh liên quan đến dịch vụ tư vấn quản lý dự án và giá trị bất động sản xây dựng để bán trong phạm vi kinh doanh của Công ty và được phân loại là tài sản ngắn hạn. Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 – 25
Phương tiện vận tải	4 – 8
Thiết bị văn phòng	3 – 5

Thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Công ty có quyền sử dụng đất lâu dài tại địa chỉ 421 Nguyễn An Ninh, Phường 9, Vũng Tàu và tại địa chỉ 16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành.

Phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong ba năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất, một phần của nhà, đất và cơ sở hạ tầng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Bất động sản là quyền sử dụng dài hạn thì không trích khấu hao. Bất động sản là nhà cửa, vật kiến trúc được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và các khoản ủy thác quản lý vốn, ủy thác đầu tư theo hợp đồng ủy thác quản lý vốn và ủy thác đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn thể hiện các khoản đầu tư dài hạn khác được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan đến việc đầu tư này. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư tài chính dài hạn được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo quy định hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ.
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với các bất động sản mà Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao sang cho người mua.

Đối với các bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án bất động sản và người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Giá vốn của các bất động sản bán trước khi xây dựng hoàn tất được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh cho đất đai và chi phí xây dựng để hoàn thành bất động sản.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Handwritten signature

1372
HÀNH
STY
NHƯ
IT
NA
NỘI
C

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2011	31/12/2010
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt	1.395.165.412	1.134.887.646
Tiền gửi ngân hàng	5.305.598.800	15.663.661.818
Các khoản tương đương tiền	26.951.000.000	527.800.000.000
	<u>33.651.764.212</u>	<u>544.598.549.464</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MẪU B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất 14% một năm.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Công ty TNHH Bệnh Viện Đa khoa Quốc tế Vũ Anh	5.000.000.000	145.000.000.000
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.225.602.125	2.765.081.235
Phải thu khác	5.360.766.857	9.769.130.739
	<u>11.586.368.982</u>	<u>157.534.211.974</u>

Phải thu từ Công ty TNHH Bệnh Viện Đa khoa Quốc tế Vũ Anh thể hiện khoản cho vay đảm bảo thực hiện nghĩa vụ hợp đồng hợp tác đầu tư dự án xây dựng chung cư 25 tầng trên diện tích mặt bằng 6,15 ha tại phường Phước Long B, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh, trong đó Công ty tham gia góp vốn với tỉ lệ vốn góp là 79,9% giá trị đầu tư dự án.

7. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Chung cư Petroland Quận 2	57.980.414.461	65.607.332.624
Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng	239.496.588.780	267.178.132.229
Chung cư Mỹ Phú	41.886.781.448	177.759.929.146
Các công trình tư vấn quản lý dự án	9.080.586.933	5.297.901.117
Công cụ dụng cụ chi phí dở dang khác	465.453.518.504	199.841.229
	<u>813.897.890.126</u>	<u>516.043.136.345</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản hình thành trong quá trình đầu tư Dự án Trung tâm Thương mại Tài Chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại lô đất C6-A01 phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VNĐ	Phương tiện vận tài VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 1/1/2011	30.304.878.082	6.309.823.034	2.821.914.697	39.436.615.813
Tăng trong kỳ	-	1.754.370.909	623.686.908	2.378.057.817
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	70.042.831	-	-	70.042.831
Tại ngày 30/06/2011	<u>30.374.920.913</u>	<u>8.064.193.943</u>	<u>3.445.601.605</u>	<u>41.884.716.461</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 1/1/2011	1.814.774.652	1.742.624.549	1.039.659.485	4.597.058.686
Khấu hao trong kỳ	1.140.725.682	570.506.152	413.319.752	2.124.551.586
Tại ngày 30/06/2011	<u>2.955.500.334</u>	<u>2.313.130.701</u>	<u>1.452.979.237</u>	<u>6.721.610.272</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/06/2011	<u>27.419.420.579</u>	<u>5.751.063.242</u>	<u>1.992.622.368</u>	<u>35.163.106.189</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>28.490.103.430</u>	<u>4.567.198.485</u>	<u>1.782.255.212</u>	<u>34.839.557.127</u>



Handwritten signature

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ ĐẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2011	73.874.097.639	182.768.000	74.056.865.639
Tăng trong kỳ	-	164.682.000	164.682.000
Tại ngày 30/06/2011	<u>73.874.097.639</u>	<u>347.450.000</u>	<u>74.221.547.639</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2011	-	29.113.336	29.113.336
Khấu hao trong kỳ	-	37.927.775	37.927.775
Tại ngày 30/06/2011	-	<u>67.041.111</u>	<u>67.041.111</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/06/2011	<u>73.874.097.639</u>	<u>280.408.889</u>	<u>74.154.506.528</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>73.874.097.639</u>	<u>153.654.664</u>	<u>74.027.752.303</u>

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Khách sạn Tây Ninh	2.504.230.391	-
Dự án đường vành đai 2	5.096.522.098	5.086.518.075
Khu đô thị mới Vũng Tàu	146.001.995.652	121.871.268.022
Dự án nhà ở thương mại Trương Bình Hiệp	32.194.290.000	36.000.000.000
Dự án sân Golf và Khu biệt thự sinh thái Cam Ranh	159.032.770.129	124.477.287.388
Dự án chung cư Huỳnh Tấn Phát	36.000.000.000	32.194.290.000
	<u>380.829.808.270</u>	<u>319.629.363.485</u>

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Quyền sử dụng đất VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2011	10.731.898.875	43.799.022.542	54.530.921.417
Tăng trong kỳ	41.630.503	-	41.630.503
Tại ngày 30/06/2011	<u>10.773.529.378</u>	<u>43.799.022.542</u>	<u>54.572.551.920</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2011	214.637.976	-	214.637.976
Khấu hao trong kỳ	214.637.976	-	214.637.976
Tại ngày 30/06/2011	<u>429.275.952</u>	-	<u>429.275.952</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/06/2011	<u>10.344.253.426</u>	<u>43.799.022.542</u>	<u>54.143.275.968</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>10.517.260.899</u>	<u>43.799.022.542</u>	<u>54.316.283.441</u>

Bất động sản đầu tư thể hiện một phần diện tích đất và chi phí xây dựng tòa nhà 16 Trương Định, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của Công ty đã hoàn thành và đã được cho thuê. Nguyên giá bất động sản đầu tư được ghi nhận tương ứng với phần diện tích cho thuê. Bất động sản đầu tư là toà nhà được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

Nguyên giá bất động sản đầu tư được tạm ghi nhận dựa trên chi phí thực tế phát sinh. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn đang thực hiện việc quyết toán giá trị công trình này với cơ quan có thẩm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

quyền. Nguyên giá của bất động sản đầu tư này sẽ được điều chỉnh lại khi quyết toán công trình được phê duyệt.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư vẫn chưa được xác định vì Công ty chưa thực hiện định giá những bất động sản này và không có tài sản so sánh cùng loại để xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư.

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Đầu tư vào công ty con (i)	-	139.899.150.203
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng	-	139.899.150.203
Đầu tư dài hạn khác (ii)	26.250.000.000	26.250.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(6.037.500.000)	-
	<u>20.212.500.000</u>	<u>166.149.150.203</u>

(i) Đầu tư vào công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, quyền kiểm soát của Công ty đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng chỉ là tạm thời, do đó, Công ty không hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng. Ngoài ra, Công ty cũng không hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Ninh do công ty này mới được thành lập vào ngày 27 tháng 12 năm 2010 nên không có số liệu phát sinh.

(ii) Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác phản ánh khoản đầu tư chứng khoán vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC SG), với số tiền đầu tư tương đương 7,5% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 7,5%).

Ngày 15 tháng 3 năm 2011, Công ty PVC SG đã niêm yết trên sàn Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Ban Giám đốc Công ty cho rằng giá thị trường của khoản đầu tư này thấp hơn giá gốc, vì thế đã lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư này với số tiền là 6.037.500.000 đồng.

13. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Vào ngày 2 tháng 10 năm 2010, Công ty đã thực hiện mua thêm 5.635.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang với giá mua là 10.752 đồng/cổ phần để nâng tỉ lệ sở hữu lên 65,38%. Nghiệp vụ mua này tạo ra khoản lợi thế thương mại cho Công ty với số tiền là 5.014.909.885 đồng. Tình hình tăng giảm lợi thế thương mại trong năm như sau:

	VNĐ
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 1/1/2011	5.014.909.885
Tại ngày 30/06/2011	<u>5.014.909.885</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 1/1/2011	1.671.636.628
Khấu hao trong kỳ	835.818.314
Tại ngày 30/06/2011	<u>2.507.454.942</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 30/06/2011	<u><u>2.507.454.943</u></u>
Tại ngày 31/12/2010	<u><u>3.343.273.257</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***14. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Ký quỹ dự án sân Golf và Khu biệt thự sinh thái Cam Ranh	100.000.000.000	100.000.000.000
Ký quỹ dài hạn khác	865.189.538	852.189.538
	<u>100.865.189.538</u>	<u>100.852.189.538</u>

Khoản ký quỹ dự án sân Golf và Khu biệt thự sinh thái Cam Ranh là khoản tiền của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang nộp ứng trước tiền thuê đất cho dự án sân golf và biệt thự sinh thái Cam Ranh. Khoản ký quỹ này sẽ được trừ vào tiền thuê đất hàng năm theo quy định.

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Vay ngắn hạn	102.297.422.618	341.500.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18)	112.348.858.385	-
	<u>214.646.281.003</u>	<u>341.500.000.000</u>

Vay ngắn hạn bao gồm các khoản vay từ Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (“BaovietBank Hồ Chí Minh”) và vay từ các cá nhân.

Các khoản vay ngắn hạn của BaovietBank Hồ Chí Minh có thời hạn vay dưới 1 năm. Các khoản vay này được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại BaovietBank Hồ Chí Minh, quyền sử dụng đất của Công ty và chịu lãi suất từ 15,5% đến 21,5%/năm.

Khoản vay từ cá nhân có thời hạn 6 tháng từ ngày 30 tháng 6 năm 2011 và chịu lãi suất 21%/năm.

Nợ dài hạn đến hạn phải trả thể hiện khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Công Thương và Ngân hàng TMCP Bảo Việt đến hạn trả.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.602.256.972	52.723.489.572
Thuế giá trị gia tăng	-	23.989.476.591
Thuế nhà thầu	-	135.309.474
Thuế thu nhập cá nhân	193.490.230	626.027.363
	<u>4.795.747.202</u>	<u>77.474.303.000</u>

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.200.000.000	1.855.278.840
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	160.587.520.000	199.822.780.203
Phải trả Tập đoàn dầu khí Việt Nam về cổ phần hoá	10.850.000.327	10.850.000.327
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	6.788.060.751	1.112.499.572
	<u>179.425.581.078</u>	<u>213.640.558.942</u>

Số dư phải trả khác cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam thể hiện khoản vay tạm của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam thông qua nguồn vốn ủy thác của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Ngân hàng TMCP Đại Dương (OceanBank) nhận thanh toán để chuyển nhượng 5.635.000 cổ phần (trị giá 60.587.520.000 đồng) từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Nam đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang cho Công ty. Số tiền còn lại là 100 tỷ đồng là khoản hỗ trợ vốn của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam cho Công ty trong thời gian không quá 3 tháng kể từ ngày khoản hỗ trợ đầu tiên được giải ngân với lãi suất hỗ trợ 5%/năm.

18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
VietinBank Hồ Chí Minh	275.177.394.721	289.660.415.496
BaovietBank Hồ Chí Minh	-	41.961.369.000
	<u>275.177.394.721</u>	<u>331.621.784.496</u>

Các khoản vay dài hạn được chi trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Trong vòng một năm	112.348.858.385	-
Trong năm thứ hai	57.932.083.099	27.974.246.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	115.864.166.198	173.300.351.523
Sau năm năm	101.381.145.424	130.347.186.973
	<u>387.526.253.106</u>	<u>331.621.784.496</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	<u>(112.348.858.385)</u>	-
Số phải trả sau 12 tháng	<u>275.177.394.721</u>	<u>331.621.784.496</u>

Hợp đồng tín dụng ký với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ("VietinBank Hồ Chí Minh") ngày 7 tháng 1 năm 2010 với số tiền cho vay tối đa là 462 tỷ đồng nhằm tài trợ vốn cho dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại lô đất C6-A01 phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của BaovietBank Hồ Chí Minh cộng biên độ 2,8%/năm. Thời hạn cho vay là 7 năm, trong đó thời gian ân hạn nợ gốc là 2 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên và thời gian thu nợ là 5 năm. Thời hạn giải ngân là 2 năm kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai.

Hợp đồng tín dụng ký với BaovietBank Hồ Chí Minh ngày 5 tháng 8 năm 2010 với số tiền vay tối đa là 100 tỷ đồng. Thời hạn tối đa của khoản vay là 18 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Công ty được ân hạn nợ gốc 12 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Khoản vay chịu lãi suất 15%/năm, áp dụng trong 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Định kỳ điều chỉnh lãi suất 6 tháng/lần, áp dụng bằng lãi suất tiết kiệm Đồng Việt Nam thông thường kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của BaovietBank Hồ Chí Minh tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng biên độ 3%/năm. Mục đích của khoản vay là tài trợ vốn cho dự án xây dựng Chung cư Petroland tại phường Bình Trưng Đông - Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Kỳ hạn trả nợ gốc định kỳ hàng tháng. Khoản này có thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và số dư khoản vay trên sẽ đáo hạn thanh toán vào tháng 2 năm 2012. Khoản vay được thế chấp bằng Quyền sử dụng đất của dự án và được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hiện có và sẽ hoàn thành trong tương lai của dự án.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TĂNG VÀ ĐÓ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MẪU B 09-DN/HN****19. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ		Lợi nhuận chưa phân phối		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Cổ phiếu quỹ		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 1/1/2010	937.620.000.000	45.674.617.742	1.439.147.403	1.439.147.403	-	-	-	-	-	-	986.172.912.548	
Vốn góp	62.380.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	62.380.000.000	
Lợi nhuận trong năm	-	175.043.636.146	-	-	-	-	-	-	-	-	175.043.636.146	
Trích các quỹ	-	(3.551.551.094)	638.179.184	638.179.184	-	-	-	-	-	-	(2.275.192.726)	
Số dư tại ngày 31/12/2010	1.000.000.000.000	217.166.702.794	2.077.326.587	2.077.326.587	-	-	-	-	-	-	1.221.321.355.968	
Lợi nhuận trong kỳ	-	15.994.624.238	-	-	-	-	-	-	-	-	15.994.624.238	
Trích các quỹ	-	(25.956.407.178)	8.652.135.726	8.652.135.726	-	-	-	-	-	-	(8.652.135.726)	
Chi trả cổ tức	-	(100.000.000.000)	-	-	-	-	-	-	-	-	(100.000.000.000)	
Mua cổ phiếu quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	(5.697.642.797)	(5.697.642.797)		
Số dư tại ngày 30/6/2011	1.000.000.000.000	107.204.919.854	10.729.462.313	10.729.462.313	-	-	-	-	(5.697.642.797)	(5.697.642.797)	1.122.966.201.683	

Trong kỳ, Công ty đã trích các quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng và phúc lợi với số tiền lần lượt là 8.652.135.726 đồng, 8.652.135.726 đồng và 8.652.135.726 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 số 1010/NQ-Petroland ngày 20 tháng 4 năm 2011.

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 số 1010/NQ-Petroland ngày 20 tháng 4 năm 2011, Công ty đã công bố chi trả cổ tức năm 2010 với số tiền là 100.000.000.000 đồng (tương ứng với tỉ lệ là 10%/mỗi cổ phiếu) bằng tiền mặt từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2010.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 1011/NQ-Petroland ngày 20 tháng 4 năm 2011 và Quyết định số 1092/QĐ-Petroland ngày 6 tháng 5 năm 2011 về việc mua cổ phiếu quỹ. Theo đó, Công ty đăng ký mua lại 8 triệu cổ phần và đã được Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận theo công văn số 877/2011/SGDHCM-NY ngày 9 tháng 5 năm 2011. Trong kỳ, Công ty đã thực hiện mua 784.580 cổ phiếu quỹ với giá trị là 5.697.642.797 đồng.



Handwritten signature in blue ink.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 6 số 0305284081 ngày 7 tháng 6 năm 2011, vốn điều lệ của Công ty là 1.000 tỷ đồng được chia thành 100.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Chủ sở hữu cổ phần phổ thông có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Tình hình góp vốn điều lệ của các cổ đông sáng lập của Công ty tại ngày kết thúc niên độ như sau:

Tên cổ đông	Theo chứng nhận		Vốn đã góp tại	
	đăng ký kinh doanh		30/6/2010	31/12/2010
	VND	%	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	284.484.000.000	28,44	339.988.100.000	303.992.400.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	100.000.000.000	10,00	100.000.000.000	100.000.000.000
Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam	90.000.000.000	9,00	90.000.000.000	90.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	85.000.000.000	8,50	85.000.000.000	85.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	80.000.000.000	8,00	80.000.000.000	80.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí	5.516.000.000	0,55	5.294.000.000	5.294.000.000

20. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con.

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định như sau:

	Vốn điều lệ/ Vốn thực góp	Vốn phân bổ cho Công ty mẹ	Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số
	VND	VND	VND	%
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang	300.000.000.000	196.150.000.000	103.850.000.000	34,62%
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	174.488.000.000	157.325.000.000	17.163.000.000	9,84%
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long	349.000.000.000	348.500.000.000	500.000.000	0,14%
Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Ninh	33.648.000.000	24.048.000.000	9.600.000.000	28,53%

Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng tài sản thuần tại ngày 30 tháng 6 năm 2011:

	Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang	Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long	Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Ninh	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng tài sản	302.619.061.091	226.230.735.162	348.562.860.711	33.380.717.926	910.793.374.890
Tổng nợ phải trả	(1.850.078.278)	(44.337.529.945)	(132.016.604)	(189.757.081)	(46.509.381.908)
Tài sản thuần	300.768.982.813	181.893.205.217	348.430.844.107	33.190.960.845	864.283.992.982
<i>Chi tiết như sau:</i>					
Vốn cổ phần	300.000.000.000	174.488.000.000	349.000.000.000	33.648.000.000	857.136.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế)	768.982.813	7.405.205.217	(569.155.893)	(457.039.155)	7.147.992.982
Lợi ích của cổ đông thiểu số					
<i>Chi tiết như sau:</i>					
Vốn điều lệ	103.850.000.000	17.163.000.000	500.000.000	9.600.000.000	131.113.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế)	266.196.217	728.391.277	518.389	(130.396.335)	864.709.548
104.116.196.217	17.891.391.277	500.518.389	9.469.603.665	131.977.709.548	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

	Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang VNĐ	Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phủ VNĐ	Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long VNĐ	Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Ninh VNĐ	Tổng VNĐ
Lợi nhuận trong kỳ/ năm	363.231.098	3.849.386.345	(573.174.562)	(457.039.155)	3.182.403.726
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	<u>125.738.498</u>	<u>378.633.590</u>	<u>(821.167)</u>	<u>(130.396.335)</u>	<u>373.154.586</u>

21. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bất động sản	347.315.611.148	124.673.528.888
- Dự án TTTM Tài chính Phú Mỹ Hưng	186.291.937.606	124.673.528.888
- Dự án Chung cư Mỹ Phú Quận 7	66.597.407.910	-
- Dự án Chung cư Petroland Quận 2	94.426.265.632	-
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	3.719.368.914	653.181.818
	<u>351.034.980.062</u>	<u>125.326.710.706</u>

22. GIÁ VỐN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản	256.369.647.083	92.897.470.025
- Dự án TTTM Tài chính Phú Mỹ Hưng	124.223.534.945	92.897.470.025
- Dự án Chung cư Mỹ Phú Quận 7	57.829.824.478	-
- Dự án Chung cư Petroland Quận 2	74.316.287.660	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	4.361.925.395	277.858.284
	<u>260.731.572.478</u>	<u>93.175.328.309</u>

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Lãi tiền gửi ngân hàng, ủy thác đầu tư, quản lý vốn Cổ tức, lợi nhuận được chia	17.348.598.921 1.575.000.000	13.815.389.797 -
Thu nhập từ hoạt động tài chính khác	-	839.736.997
	<u>18.923.598.921</u>	<u>14.655.126.794</u>

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	6.037.500.000	-
Chi phí lãi vay	16.537.160.486	-
	<u>22.574.660.486</u>	<u>-</u>

11372
HÀNH
NG TY
M HƯ
TT
NA
A NỘI
TỔ C

mech

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Chi phí nhân viên quản lý	7.652.040.021	8.683.800.496
Chi phí đồ dùng văn phòng	193.834.060	221.037.197
Chi phí vật liệu quản lý	166.645.079	193.500.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.256.264.817	659.044.737
Thuê, phí và lệ phí	89.337.897	50.640.942
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.410.116.547	2.263.301.292
Chi phí bằng tiền khác	765.584.751	1.257.684.588
Kinh phí đào tạo	36.898.231	569.500.000
Chi phí tìm kiếm cơ hội đầu tư	-	18.467.272
Dự phòng phải thu khó đòi	41.085.847.962	-
	54.656.569.365	13.230.276.524

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	22.746.220.159	33.053.496.587
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(1.575.000.000)	(31.776.058.863)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	3.372.605.509	222.157.831
Điều chỉnh lợi nhuận trước thuế do hợp nhất	104.904.566	-
Thu nhập chịu thuế	24.648.730.234	1.499.595.555
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25%	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.433.131.186	374.898.889
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp 2% cho số tiền nhận trước từ khách hàng	-	1.980.580.310
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.433.131.186	3.355.479.199

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế.

Đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh bất động sản, Công ty kê khai tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên doanh thu trừ chi phí. Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp sẽ được xác định và quyết toán lại khi bàn giao bất động sản theo hướng dẫn Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính.

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	15.994.624.238	23.455.095.141
Số cổ phần phổ thông bình quân gia quyền để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	99.860.416	96.898.232
Lãi trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	160	242

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty có các khoản cam kết vốn liên quan tới các hợp đồng đầu tư xây dựng cơ bản đang thực hiện chưa hoàn thành. Chi tiết số vốn đã cam kết và sẽ được thanh toán trong tương lai như sau:

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Dự án “Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng”	167.562.953.132	279.744.406.627
Dự án “Chung cư Petroland Quận 2”	114.722.817.230	102.035.371.777
	<u>282.285.770.362</u>	<u>381.779.778.404</u>

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Thu nhập của Hội đồng Quản trị	486.846.473	536.142.469
Thu nhập của Ban Giám đốc	<u>2.089.324.883</u>	<u>1.978.974.014</u>

Công ty có các số dư sau với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ:

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Ủy thác đầu tư và ủy thác quản lý vốn		
Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	<u>21.000.000.000</u>
Các khoản phải thu		
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	39.911.432	26.006.432
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	<u>101.850.000</u>
Các khoản phải trả		
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	<u>160.587.520.000</u>	<u>199.822.780.203</u>

30. SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Vào ngày 7 tháng 7 năm 2011, tại Đại hội đồng cổ đông bất thường của Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Ninh đã ra Nghị quyết số 99/NQ-ĐHĐCĐ về việc giải thể Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Ninh. Theo đó, các cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Ninh giao cho Hội đồng quản trị tổ chức, xây dựng phương án giải thể và kiểm toán báo cáo tài chính để lấy ý kiến cổ đông thông qua, thành lập ban thanh lý để làm việc trong thời gian chuẩn bị giải thể. Thời gian giải thể trước ngày 30 tháng 8 năm 2011.



Bùi Minh Chính
Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2011

Vũ Thị Kim Ngân
Kế toán trưởng